

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **22/2022/KDTM-ST**
Ngày 21 tháng 3 năm 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa.

Bà **Hoàng Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2021/TLST - KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐST- KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HPT ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Z**; Trụ sở tại: 35 phố Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức Tú - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đỗ Thế Anh- Phó GD BIDV chi nhánh Nam Hà Nội, ông Nguyễn Quang Hào – Phó trưởng phòng KHDN1 và ông Nguyễn Thanh Tùng – Chuyên viên phòng KHDN1 theo Quyết định uỷ quyền tham gia tố tụng số 540/QĐ-BIDV.NHN ngày 05 tháng 11 năm 2021.

* Bị đơn: **Công ty Cổ phần Công trình Giao thông X**; Địa chỉ: Số 26 Ngũ Xã, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Người đại diện: ông **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1973 - chức vụ: Giám đốc;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Tạ Duy D**, sinh năm 1950 (Đã chết năm 2018) và bà **Đào Thị H**, sinh năm 1953; Giấy chứng minh nhân dân số 012550143 do Công an tỉnh Hà Tây cấp ngày 16/8/2002; Cùng đăng ký hộ khẩu: Số 18 Vạn Phúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (nay là số 184, ngõ 82 Kim Mã, phường Kim Mã);

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tạ Duy D: Bà **Đào Thị H**, sinh năm 1953 (vợ ông Dân); chị **Tạ Thị Kim T**, sinh năm 1973 (con đẻ ông Dân). Căn cước công dân số 001173008783 cấp ngày 29/11/2018 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Đăng ký hộ khẩu: Số 26 Ngõ Xã, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; anh **Tạ Trường T**, sinh năm 1975 (con đẻ ông Dân); Chứng minh nhân dân số 001075001663 cấp ngày 03/7/2014 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư. Đăng ký hộ khẩu: Số 184 ngõ 82 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị H, chị Thu và anh Thi: ông Nguyễn Hoàng S theo Biên bản xác nhận ủy quyền ngày 25 tháng 6 năm 2021.

(Ông Tùng, ông Hào có mặt; ông Sơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh Tùng trình bày:*

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông X (sau đây gọi tắt là Công ty 481) được Ngân hàng Thương mại Z - chi nhánh Nam Hà Nội (sau đây gọi tắt là BIDV) cấp tín dụng theo các hợp đồng tín dụng cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009; Khế ước nhận nợ số 21382000041036 với nội dung: số tiền vay: 2.954.000.000 đồng; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể; mục đích vay: Sử dụng để đầu tư máy móc thiết bị thi công công trình. Thời hạn 36 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên. Lãi suất: 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011; Các khế ước nhận nợ số 21381000081482 ngày 13/10/2011, 21381000078387 ngày 16/6/2011, 21381000080434 ngày 06/9/2011, 21381000081127 ngày 05/10/2011, 21381000080568 ngày 13/9/2011, 21381000078369 ngày 16/6/2011, 21381000077986 ngày 01/6/2011, 21381000081792 ngày 25/10/2011, 21381000081066 ngày 03/10/2011, 21381000081598 ngày 18/10/2011, 21381000080285 ngày 30/8/2011, 21381000080656 ngày 15/9/2011, 21381000045287 ngày 19/3/2010, 21381000081118 ngày 05/10/2011; 21381000077795 ngày 01/6/2011, 21381000080443 ngày 06/9/2011, 21381000080416 ngày 01/9/2011, 21381000079520 ngày 02/8/2011, 21381000077977 ngày 01/6/2011, 21381000082096 ngày 08/11/2011, 21381000077463 ngày 17/5/2011, 21381000081604 ngày 18/10/2011 với nội dung: hạn mức dư nợ vay tối đa với số tiền: 20.000.000.000 đồng; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010

kể từ ngày ký hợp đồng đến 22/6/2011. Thời hạn của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011 kể từ ngày ký hợp đồng đến 01/8/2012. Lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Toàn bộ dư nợ còn lại tại thời điểm hiện tại của các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010 và các phụ lục hợp đồng được ký giữa BIDV Nam Hà Nội và doanh nghiệp sẽ bao gồm trong hạn mức và được chuyển sang thực hiện theo điều khoản của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên, BIDV đã giải ngân cho Công ty 481 tổng số tiền là: 11.307.850.750 đồng.

*** Tài sản bảo đảm của các khoản vay nêu trên là:**

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, thửa đất số 62, tờ bản đồ số 7G-II-37, diện tích 77,1 m² tại địa chỉ 18 Vạn Phúc (nay là số 184, ngõ 82 Kim Mã), phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101110136, 2386.2000.QĐUB, hồ sơ gốc số 7372.2000 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2000 cho ông Tạ Duy D và bà Đào Thị H. Hợp đồng thế chấp Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1927/2009/HĐTC ngày 25/3/2009 số công chứng 1927/2009/HĐTC, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng Công chứng số 6 chứng nhận ngày 25/3/2009; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1927/2009/HĐTC ký ngày 25/3/2009, số công chứng 4115/2011/HĐTC-PL, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng Công chứng số 6 chứng nhận ngày 09/6/2011.

- Tài sản là máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC ngày 27/10/2010 bao gồm: 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC200; 01 máy đào bánh xích PC120; 01 máy xúc đào PC100-3. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

- Tài sản là máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTC ngày 01/9/2009 bao gồm: 01 máy đào bánh xích Hitachi EX200-1; 01 máy ủi bánh xích D41P-3; 01 máy lu rung Liugong CLG 614; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK200-3; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC138US-2; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120-3. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng của Công ty 481. BIDV đã nhiều lần thông báo việc trả nợ nhưng Công ty 481 vẫn không thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, BIDV đã chuyển toàn bộ khoản vay chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết. Tạm tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2022 Công ty 481 chưa thanh toán cho BIDV số tiền: Nợ gốc: 8.872.000.750 đồng; Nợ lãi trong hạn 11.701.432.105 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.236.116.234 đồng. Tổng cộng 25.809.549.089 đồng.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, BIDV có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC ngày 27/10/2010 bao gồm: 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC200; 01 máy đào bánh xích PC120; 01 máy xúc đào PC100-3. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định; Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTC ngày 01/9/2009 bao gồm: 01 máy đào bánh xích Hitachi EX200-1; 01 máy ủi bánh xích D41P-3; 01 máy lu rung Liugong CLG 614; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK200-3; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC138US-2; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120-3. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

Nay BIDV yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty 481 phải thanh toán cho BIDV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ hai bên ký kết, tạm tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2022 cụ thể: Nợ gốc: 8.872.000.750 đồng; Nợ lãi trong hạn 11.701.432.105 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.236.116.234 đồng. Tổng cộng 25.809.549.089 đồng cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01 tháng 9 năm 2009: Nợ gốc 668.550.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 893.407.460 đồng; Nợ lãi quá hạn: 370.835.008 đồng. Tổng cộng 1.931.792.468 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011: Nợ gốc: 8.203.450.750 đồng; Nợ lãi trong hạn 10.808.024.645 đồng; Nợ lãi quá hạn: 4.865.281.226 đồng. Tổng cộng 23.877.756.621 đồng.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty 481 thực tế thanh toán hết nợ cho BIDV.

- Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký, đề nghị Tòa án cho phép Ngân hàng thực hiện phát mại tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay theo các Hợp đồng thế chấp đã ký.

- Về án phí kinh doanh thương mại: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

*** Bị đơn: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông X. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Hoàng S tại các bản tự khai và các biên bản hòa giải trình bày:**

Thay mặt công ty tôi xác nhận Công ty 481 và BIDV- chi nhánh Nam Hà Nội có ký các Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011 và các Phụ lục, Bảng kê rút vốn, Hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng lần giải ngân.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 18 Vạn Phúc (nay là số 184, ngõ 82 phố Kim Mã), phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; thửa đất số 62, tờ bản đồ số 7G-II-37 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101110136, hồ sơ gốc số 7372.2000 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2000 cho ông Tạ Duy D và bà Đào Thị H theo Hợp đồng thế chấp Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số công chứng 1927/2009/HĐTC ký ngày 25/3/2009, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng Công chứng số 6 thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 25/3/2009; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1927/2009/HĐTC ký ngày 25/3/2009, số công chứng 4115/2011/HĐTC-PL, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng Công chứng số 6 thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 09/6/2011.

- Tài sản là máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC ngày 27/10/2010 bao gồm: 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC200; 01 máy đào bánh xích PC120; 01 máy xúc đào PC100-3. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định. Hiện tại đang được lưu giữ tại huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu.

- Tài sản là máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTC ngày 01/9/2009 bao gồm: 01 máy đào bánh xích Hitachi EX200-1; 01 máy ủi bánh xích D41P-3; 01 máy lu rung Liugong CLG 614; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK200-3; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC138US-2; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120-3. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định. Hiện tại đang được lưu giữ tại huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu.

Ngày 05/11/2021, BIDV có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC ngày 27/10/2010 bao gồm: 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC200; 01 máy đào bánh xích PC120; 01 máy xúc đào PC100-3. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định; Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTC ngày 01/9/2009 bao gồm: 01 máy đào bánh xích Hitachi EX200-1; 01 máy ủi bánh xích D41P-3; 01 máy lu rung Liugong CLG 614; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK200-3; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC138US-2; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120-3. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định. Thay mặt công ty, tôi đồng ý và không có ý kiến gì.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của Công ty như sau: Tôi xác nhận Công ty còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là: 8.872.000.750 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Tôi xác nhận đây là khoản nợ của Công ty nên Công ty sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh kéo dài, Công ty gặp khó khăn về kinh tế nên chưa trả được nợ cho ngân hàng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị H, chị Tạ Thị Kim T, anh Tạ Trường T. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng S trình bày:***

Ông Sơn xác nhận ông Tạ Duy D và bà Đào Thị H là vợ chồng hợp pháp và có 02 người con chung là chị Tạ Thị Kim T, sinh năm 1973, anh Tạ Trường T, sinh năm 1975. Ngoài ra, ông Dân không có con riêng hay con nuôi nào khác. Bố mẹ của ông Dân đã mất từ lâu, ông cũng không nhớ rõ thời gian mất của các cụ.

Đối với di sản thừa kế của ông Tạ Duy D để lại là: Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 18 Vạn Phúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất ở và quyền sử dụng đất ở số 10101110136 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 23/5/2000. Diện tích đất: 77,1 m². Trên đất có nhà 2 tầng, diện tích xây dựng 42 m², diện tích sử dụng 74 m². Chủ sở hữu: Ông Tạ Duy D và bà Đào Thị H. Ông bà đã thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty 481, chị Thu, anh Thi không có ý kiến gì và anh chị cũng không có công sức đóng góp đối với tài sản trên. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không hòa giải được cho các đương sự.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 04 tháng 3 năm 2022 bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào ngày ngày 21 tháng 3 năm 2022 theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c

khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty 481 thanh toán cho BIDV tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/3/2022 cụ thể Nợ gốc: 8.872.000.750 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011 cho đến khi Công ty 481 trả hết nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1927/2009/HĐTC ngày 25/3/2009 số công chứng 1927/2009/HĐTC, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng Công chứng số 6 chứng nhận ngày 25/3/2009; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1927/2009/HĐTC ký ngày 25/3/2009, số công chứng 4115/2011/HĐTC-PL, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng Công chứng số 6 chứng nhận ngày 09/6/2011 là phù hợp với quy định pháp luật cần được chấp nhận.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, BIDV có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC ngày 27/10/2010 bao gồm: 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC200; 01 máy đào bánh xích PC120; 01 máy xúc đào PC100-3 và Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTC ngày 01/9/2009 bao gồm: 01 máy đào bánh xích Hitachi EX200-1; 01 máy ủi bánh xích D41P-3; 01 máy lu rung Liugong CLG 614; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK200-3; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC138US-2; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120-3. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011 và các khế ước nhận nợ kèm theo được ký giữa BIDV với công ty 481, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và sử dụng để đầu tư máy móc thiết bị thi công công trình. Do vậy, xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty 481 có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại số 26 Ngũ Xã, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do Công ty 481 không thanh toán được khoản nợ cho BIDV khi đến hạn trả nợ. Do vậy, BIDV đã khởi kiện Công ty 481 đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty 481 phải thanh toán trả BIDV toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

Trong vụ án này: Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp; giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, vì vậy vụ án được áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết đúng với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ các Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 1/8/2011 và các khế ước nhận nợ kèm theo; Hợp đồng thế chấp Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1927/2009/HĐTC ngày 25/3/2009; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1927/2009/HĐTC ký ngày 25/3/2009 tại Phòng Công chứng số 6 ngày 09/6/2011. BIDV đã giải ngân cho Công ty 481 tổng số tiền là: 11.307.850.750 đồng thông qua các khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty 481 đã trả cho BIDV số tiền cụ thể: Nợ gốc: 2.435.700.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.541.243.936 đồng. Tổng cộng: 4.976.943.936 đồng. Công ty 481 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày đối với Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009 từ ngày 03/9/2013 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011 từ ngày 18/02/2013. Vì vậy, BIDV đã chuyển toàn bộ nợ của Công ty 481 sang nợ quá hạn theo quy định. Và từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến nay Công ty 481 không trả bất cứ khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho BIDV.

Ngày 05/11/2021, BIDV có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC ngày 27/10/2010 bao gồm: 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC200; 01 máy đào bánh xích PC120; 01 máy xúc đào PC100-3 và Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTC ngày 01/9/2009 bao gồm: 01 máy đào bánh

xích Hitachi EX200-1; 01 máy ủi bánh xích D41P-3; 01 máy lu rung Liugong CLG 614; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK200-3; 01 máy đào bánh xích Komatsu PC138US-2; 01 máy đào bánh xích Kobelco SK120-3. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của BIDV là tự nguyện không trái quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

Tại phiên tòa hôn nay, BIDV xác nhận Công ty 481 còn nợ BIDV số tiền: Nợ gốc: 8.872.000.750 đồng; Nợ lãi trong hạn 11.701.432.105 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.236.116.234 đồng. Tổng cộng 25.809.549.089 đồng cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009: Nợ gốc 668.550.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 893.407.460 đồng; Nợ lãi quá hạn: 370.835.008 đồng. Tổng cộng 1.931.792.468 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011: Nợ gốc: 8.203.450.750 đồng; Nợ lãi trong hạn 10.808.024.645 đồng; Nợ lãi quá hạn: 4.865.281.226 đồng. Tổng cộng 23.877.756.621 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 1/8/2011 và các khế ước nhận nợ kèm theo được các bên ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng này, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, tại thời điểm ký hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009, Công ty 481 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 03/9/2013 nên theo Điều 8 của Hợp đồng tín dụng quy định: *“3. Khi có nguyên nhân khách quan không thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ vay, Bên vay có thể đề nghị bằng văn bản để Ngân hàng xem xét điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ. Văn bản đề nghị của bên vay phải gửi cho Ngân hàng trước ngày đến hạn. Số nợ gốc, lãi tiền vay đến hạn Bên vay không trả được mà không được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn hoặc thời gian gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn đã hết, thì Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế, kể cả phần dư nợ chưa đến hạn theo Hợp đồng này sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn, phù hợp với quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”*.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011, Công ty 481 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 18/02/2013 nên theo Điều 4.3 của Hợp đồng tín dụng hạn mức

số 01/2011/HĐTDHM ngày 1/8/2011 quy định: “3. Khi có nguyên nhân khách quan không thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ vay, Bên vay có thể đề nghị bằng văn bản để Ngân hàng xem xét điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ. Văn bản đề nghị của bên vay phải gửi cho Ngân hàng trước ngày đến hạn 5 ngày. Số nợ gốc tiền vay đến hạn hoặc số nợ lãi tiền vay đến hạn mà Bên vay không trả được mà không được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn hoặc thời gian gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn đã hết thì ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế, kể cả phần dư nợ chưa đến hạn của Hợp đồng tín dụng cụ thể đó sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 2 Quy định này”.

Nay BIDV khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán cho BIDV số tiền còn nợ tính đến ngày 21/3/2022 cụ thể: Nợ gốc: 8.872.000.750 đồng; Nợ lãi trong hạn 11.701.432.105 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.236.116.234 đồng. Tổng cộng 25.809.549.089 đồng.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là đúng pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Do đó, việc BIDV khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả BIDV số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của BIDV: Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không thanh toán trả cho BIDV nợ gốc và nợ lãi thì BIDV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án. Hội đồng xét xử thấy:

- Hợp đồng thế chấp Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1927/2009/HĐTC ngày 25/3/2009 số công chứng 1927/2009/HĐTC, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD được ký tại số 18 Vạn Phúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1927/2009/HĐTC ký ngày 25/3/2009 tại Phòng Công chứng số 6 ngày 09/6/2011 giữa BIDV và ông Tạ Duy D, bà Đào Thị H đã được Phòng Công chứng số 6, thành phố Hà Nội chứng nhận. Ông Dân, bà Hằng đã đồng ý thế chấp tài sản của mình là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 7G-II-37, diện tích 77,1 m² địa chỉ 18 Vạn Phúc (nay là số 184, ngõ 82 Kim Mã), phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101110136, hồ sơ gốc số 7372.2000 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 23/5/2000 cho ông Tạ Duy D và bà Đào Thị H để đảm bảo cho khoản vay của Công ty 481 cụ thể:

Tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp quy định: “2. Bên thế chấp đồng ý bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh được ký kết giữa Bên nhận thế chấp và bên vay kể từ ngày 25/3/2009 bao gồm các nghĩa vụ sau: Nợ gốc; Nợ lãi; Lãi phạt quá hạn; Phí; Khoản phạt; Khoản bồi thường thiệt hại (nếu có) theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh”.

Tại Phụ lục Hợp đồng thế chấp sửa đổi Điều 2 về giá trị tài sản thế chấp như sau: “*Giá trị tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là 7.050.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ không trăm năm mươi triệu đồng chẵn) theo bản thỏa thuận định giá tài sản thế chấp số 01/250309/QHKH/ĐGTS ngày 25 tháng 3 năm 2009*”.

Tại Phụ lục Hợp đồng thế chấp sửa đổi khoản 3 Điều 3 về nghĩa vụ được đảm bảo với nội dung: “*3. Tài sản đảm bảo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này được sử dụng để bảo đảm cho toàn bộ các nghĩa vụ (gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí và chi phí có liên quan) đũa, đang và sẽ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh và sẽ ký giữa khách hàng vay với Ngân hàng trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 25/3/2009 với giới hạn số tiền được đảm bảo tối đa bằng giá trị của TSĐB nêu tại Điều 2 của hợp đồng này. Trong trường hợp phải xử lý tài sản đảm bảo theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này, nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản lớn hơn giá trị định giá tại Điều 2 hoặc lớn hơn giá trị định giá gần nhất trước khi xử lý tài sản đảm bảo thì Ngân hàng được quyền sử dụng toàn bộ số tiền đó để thanh toán khoản nợ vay của khách hàng vay*”.

Như vậy, tài sản nêu trên bảo đảm cho khoản vay của công ty 481 với giới hạn số tiền được đảm bảo tối đa bằng giá trị của TSĐB nêu tại Điều 2 của hợp đồng cụ thể là 7.050.000.000 đồng. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được ông Dân, bà Hằng đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/4/2009 và được Văn phòng đăng ký đất và nhà - UBND thành phố Hà Nội xác nhận thế chấp vào ngày đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/4/2009. Việc ông Dân, bà Hằng ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ông Dân, bà Hằng dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty 481 theo các Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận các hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Vì vậy, yêu cầu của BIDV đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì BIDV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;
- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 127, Điều 134, Điều 342, 343, 348, 355, Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 127 Luật Đất đai 2003; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”. Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Buộc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông X phải trả cho Ngân hàng Thương mại Z tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011 và các khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2022 là: Nợ gốc: **8.872.000.750** (tám tỷ, tám trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi) đồng; Nợ lãi trong hạn **11.701.432.105** (mười một tỷ, bảy trăm linh một triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, một trăm linh lăm) đồng; Nợ lãi quá hạn: **5.236.116.234** (năm tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, một trăm mười sáu nghìn, hai trăm ba mươi tư) đồng. Tổng cộng **25.809.549.089** (hai mươi lăm tỷ, tám trăm linh chín triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm tám mươi chín) đồng, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009: Nợ gốc 668.550.000 (sáu trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn) đồng; Nợ lãi trong hạn 893.407.460 (tám trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm linh bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi) đồng; Nợ lãi quá hạn: 370.835.008 (ba trăm bảy mươi triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm linh tám nghìn) đồng. Tổng cộng 1.931.792.468 (một tỷ, chín trăm ba mươi mốt triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi tám) đồng;

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011: Nợ gốc: 8.203.450.750 (*tám tỷ, hai trăm linh ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, bảy trăm năm mươi*) đồng; Nợ lãi trong hạn 10.808.024.645 (*mười tỷ, tám trăm linh tám triệu, không trăm hai mươi tư nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm*) đồng; Nợ lãi quá hạn: 4.865.281.226 (*bốn tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, hai trăm hai mươi sáu*) đồng. Tổng cộng 23.877.756.621 (*hai mươi ba tỷ, tám trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi một*) đồng.

Kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2022, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Z theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại theo các Hợp đồng tín dụng trung hạn 01/2009/HĐTD ngày 01/9/2009; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 24/6/2010; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/8/2011 và các khế ước nhận nợ kèm hai bên đã ký.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn cho vay.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần Công trình Giao thông X không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Z có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là:

Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 18 Vạn Phúc (nay là số 184, ngõ 82 phố Kim Mã), phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; thửa đất số 62, tờ bản đồ số 7G-II-37 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101110136, hồ sơ gốc số 7372.2000 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2000 cho ông Tạ Duy D và bà Đào Thị H theo Hợp đồng thế chấp Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số công chứng 1927/2009/HĐTC ký ngày 25/3/2009, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng Công chứng số 6 thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 25/3/2009; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1927/2009/HĐTC ký ngày 25/3/2009, số công chứng 4115/2011/HĐTC-PL, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng Công chứng số 6 thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 09 tháng 6 năm 2011.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư Ngân hàng Thương mại Z phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho Ngân hàng Thương mại Z số tiền còn thiếu.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông X phải chịu **132.809.549** (*một trăm ba mươi hai triệu, tám trăm linh chín nghìn, năm trăm bốn mươi chín*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Z không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **66.000.000** (*sáu mươi sáu triệu*) đồng theo biên lai thu số 001337 ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2022. Bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tạ Duy D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long